TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST Ngày 29-11-2019 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Kim G, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 36/6, đường N, Tổ 4, Khu phố 12, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Số 18L2-1, Trần Quốc T, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Đào Hải L, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Số 288/29/39, đường Huỳnh Văn L, Tổ 67, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Số 36/6, đường Ngô Gia T, Tổ 4, Khu phố 12, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Kim G và ông Trần Đào Hải L chung sống với nhau từ năm 2012, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22/2012, quyển số 01, ngày 05/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên qua một thời gian chung sống, khoảng năm 2018 vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục duy trì. Vì vậy, nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà Đoàn Thị Kim G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Đào Hải L.

Về con chung: Bà Đoàn Thị Kim G và ông Trần Đào Hải L có 01 con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014. Sau khi ly hôn bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Kim G yêu cầu ông Trần Đào Hải L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đoàn Thị Kim G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Đoàn Thị Kim G, ông Trần Đào Hải L (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của con (bản sao).

2. Tại văn bản trình bày ý kiến bị đơn ông Trần Đào Hải L trình bày:

Ông Trần Đào Hải L và bà Đoàn Thị Kim G vẫn sống chung một nhà, vẫn cùng nhau sinh hoạt gia đình, bản thân ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 từ lúc con chung đi nhà trẻ, từ lúc 02 tuổi đến nay.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ là những lo toan của cuộc sống, cách hành xử đối với nhau về vấn đề giữa con riêng và con chung.

Việc đi sớm về muộn là do công việc đặc thù của bà G suốt khoảng 04 năm nay, tất cả các khoản tiền học phí của con chung đều do ông L nộp, chi phí sinh hoạt gia đình bà G cũng không lo. Nhưng những mâu thuẫn đó không phải là những xung đột gay gắt dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng để mục đích hôn nhân không đạt được (không bạo hành gia đình, không ngoại tình, không đùn đẩy trách nhiệm, việc chăm sóc con chung một mình ông L vẫn tự lo được).

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình việc ly hôn theo yêu cầu của một bên, thì mâu thuẫn này không có căn cứ để bà G yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vận động bà G rút đơn khởi kiện.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Trần Đào Hải L vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim G đối với bị đơn ông Trần Đào Hải L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 21 tháng 6 năm 2019, bà Đoàn Thị Kim G có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Đào Hải L. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Đoàn Thị Kim G khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Trần Đào Hải L, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trần Đào Hải L đang cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim G có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Đào Hải L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đoàn Thị Kim G và ông Trần Đào Hải L chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22/2012, quyển số 01, ngày 05/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà G và ông L là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà G và ông L là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà G xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, nên bà G quyết định ly hôn với ông L.

Việc bà G và ông L không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông L vắng mặt điều này chứng tỏ ông L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà G, ông L cư trú cho biết: Bà G và ông L là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng bà G và ông L không yêu cầu địa phương giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương không biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không.

Tuy nhiên, bà G xác định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà G và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia

đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Kim G đối với ông Trần Đào Hải L.

[2.2]. Về con chung: Qúa trình chung sống bà Đoàn Thị Kim G và ông Trần Đào Hải L có 01 con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014. Sau khi ly hôn bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 cho bà Đoàn Thị Kim G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà G về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Kim G yêu cầu ông Trần Đào Hải L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Việc bà G yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vì vậy cần buộc ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Đoàn Thị Kim G phải nộp 300.000 đồng; ông Trần Đào Hải L phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim G về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Trần Đào Hải L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Kim G được ly hôn với ông Trần Đào Hải L.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 cho bà Đoàn Thị Kim G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Đào Hải L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Đoàn Khởi Q, sinh ngày 18/8/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Đào Hải L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Đoàn Thị Kim G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034326, ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trần Đào Hải L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Lâm **Trần Thị Kim Phượng** **Nguyễn Thị Minh Nga**